TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2023
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cụt Xuân Ninh

Bà Đặng Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Quốc Ất - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L Th Th, sinh năm 1992 (Có đơn xét xử vắng mặt)

HKTT: Bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh L V M. Sinh năm 1990 (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

Địa chỉ: Bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị L Th Th trình bày:

Tình cảm: Chị Th và anh L V M tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2012. Chị Th và anh M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 06 tháng 9 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2016, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, vợ chồng kết hôn khi còn quá trẻ, không tìm hiểu kỹ nên khi về chung sống thì không hợp nhau, thường xuyên cãi vãi và xúc phạm nhau thẩm tệ, càng chung sống tính cách càng

khác nhau nên vợ chồng xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, sức chịu đựng của chị Th cũng có giới hạn nên vào đầu năm 2016 chị Th quyết định sống ly thân với anh M. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Th có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị Th và anh M có 01 con chung tên cháu là L H G, sinh ngày 14/8/2012, hiện nay cháu sống với ông bà nội và anh M tại bản bản C Tr, xã Th Th huyện T D, tỉnh Nghệ An, nếu vợ chồng ly hôn thì chị Th có nguyện vọng con do anh M và ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành vì từ nhỏ cháu một mình anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị Th tự nguyện mỗi tháng cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh M là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng).

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh L V M nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại các biên bản lấy lời khai thì bà Lương Thị Tâm mẹ đẻ của anh L V M trình bày: Chị Th và anh M kết hôn vào năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn chị Th và anh M chung sống với gia đình bà Tâm tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Chị Th và anh M hiện nay đã sống ly thân nhau. Về con chung thì chị Th và anh M có 01 con chung tên cháu là L H G, sinh ngày 14/8/2012 hiện nay cháu sống với anh M và vợ chồng bà Tâm tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Khi cháu L H G được 24 tháng tuổi thì chị Th (mẹ cháu Bảo) bỏ đi mà gia đình tôi không hề biết là chị Th bỏ đi lúc nào. Cháu Lô Hoàng Gia từ ngày chị Th bỏ đi thì chỉ ở với vợ chồng bà Tâm và anh M, còn chị Th thì thỉnh thoảng vẫn gửi tiền về hỗ trợ bà Tâm nuôi cháu Gia nhưng về mặt thời gian, tình cảm, nuôi dưỡng thì không bằng anh M. Anh M đưa đón cháu đi học, cho cháu ăn uống, chăm sóc cháu khi ốm đau. Do cuộc sống khó khăn, ở nhà không có việc làm nên anh M xin phép vợ chồng bà Tâm gửi cháu Gia lại cho vợ chồng bà Tâm chăm sóc, còn anh M đi làm với bạn bè ở trong Nam để kiếm tiền nuôi con. Anh M mới đi làm xa từ năm 2021, nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà thăm cháu Gia, còn điện thoại thì gọi thường xuyên. Bà Tâm cũng hỏi ý kiến của anh M thì anh M trình bày như sau: Về tình cảm: Anh M đồng ý ly hôn với chị Th; về con chung: Có nguyện vọng nuôi cháu L H G và yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng); về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Văn bản của Tòa án nhân dân huyện T D tống đạt cho anh M thì anh M đã được bà Tâm báo lại nhưng do anh M đi làm ăn xa, phương tiện đi lại khó khăn, công trình xây dựng chưa xong, không xin nghỉ lâu ngày được nên không thể về giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh L V M có hộ khẩu thường trú tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An có đăng ký kết hôn với chị L Th Th tại UBND xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 06/9/2012 và có một con chung

tên cháu là L H G, sinh ngày 14/8/2012 hiện nay cháu sống cùng với anh M và ông bà nội là gia đình bà Lương Thị Tâm tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Anh M đi làm ăn xa từ năm 2021, thường xuyên liên lạc với gia đình và thỉnh thoảng về thăm nhà. Chị L Th Th có hộ khẩu thường trú ở tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên chị Th không sinh sống tại địa phương.

Qua trình lấy lời khai của cháu L H G .Cháu có nguyện vọng sống với bố và ông bà nội tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An và cháu cũng có yêu cầu mẹ cấp dưỡng tiền ăn học của cháu mỗi tháng 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Chị L Th Th cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị L Th Th được ly hôn với anh L V M; Con Chung: Giao cháu L H G cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là mỗi tháng 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng); Tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị Th chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V M có hộ khẩu thường trú tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th Th và bị đơn anh L V M thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình, do đó có căn cứ khẳng định bị đơn cố tình dấu địa chỉ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh M kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại quyển, số 01 ngày 06/9/2012 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

- Tình cảm: Chị Th và anh M có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Th và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Con chung: Chị Th và anh M có 01 con chung là cháu L H G sinh ngày 14/8/2012, hiện cháu Gia sống cùng anh M và ông bà nội tại bản C Tr, xã Th Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Qua quá trình xác minh tại địa phương, lời khai của bà Lương Thị Tâm thì cháu L H G từ năm 2015 do anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L Th Th đi làm ăn xa từ năm 2015 và về nhà thăm cháu được 02 lần. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần và cũng như nguyện vọng trong biên bản lấy lời khai của cháu L H G là muốn được ở với anh L V M. Hội đồng xét xử giao cháu Gia cho anh M tiếp tục tự chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng con chung chị L Th Th tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ/ tháng (Ba triệu đồng) và chấp nhận sự tự nguyện của của chị L Th Th. .

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị L Th Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận cho chị L Th Th được ly hôn với anh L V M.

2. Con chung:

+ Giao cháu L H G, sinh ngày 14/8/2012 cho anh L V M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

- Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng);

- Chị Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị L Th Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005117 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An. Chị Th còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn văng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Th Th ;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Moong Công Hải